CÔNG TY CP ĐẦU TƯ
CAO SU QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Ngày 29 tháng 02 năm 2016

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM

(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam
Mã chứng khoán: VHG
Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Phú Son, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam
Điện thoại: 05103.947234
Fax: 05103.946333
Người thực hiện công bố thông tin: Lê Khiếu Phương
Địa chỉ: Số 33 Đường An Thượng 6, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0966714682
Fax: 05103.946333
Loại thông tin công bố ☐ 24 giờ☐ 72 giờ☐ bất thường☐ theo yêu cầu☐ định kỳ:

Nội dung thông tin công bố (*): Công bố Điều chỉnh và thuyết minh bổ sung BCTC Quý 4/2015

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29.02.2016 tại đường dẫn:
http://qnr.vn/news/83-dieu-chinh-bo-sung-bao-cao-tai-chinh-me-va-hop-nhat-quy-iv-nam-2015#v

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:
- *Nội dung thông tin cần công bố và các tài liệu có liên quan*

Người đại diện theo pháp luật/
Người được ủy quyền công bố thông tin
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Anh Tuấn

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 008/VHG *"V/v: Đính chính và thuyết minh bổ sung BCTC mẹ và hợp nhất Quý 4/2015"*	*Quảng Nam, ngày 29 tháng 02 năm 2016*

***Kính gửi*:**
- **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh**

Ngày 15 tháng 02 năm 2016 Công ty CP Đầu tư cao su Quảng Nam đã công bố thông tin Báo cáo tài chính Quý 4/2015. Sau khi kiểm tra Công ty xin đính chính 1 số thông tin như sau:

1. Đính chính số liệu lưu chuyển tiền tệ năm 2014 trên BCTC công ty mẹ Quý 4/2015 cho đúng lưu chuyển tiền tệ năm 2014 đã kiểm toán và công bố trước đây (Chi tiết xem tại phụ lục đính kèm)
2. Đính chính số liệu lưu chuyển tiền tệ năm 2014 và 2015 trên BCTC hợp nhất Quý 4/2015 do sai số liệu năm 2015 và điều chỉnh năm 2014 cho đúng số đã kiểm toán và công bố trước đây (Chi tiết xem tại phụ lục đính kèm)
3. Công ty bổ sung báo cáo bộ phận trên thuyết minh BCTC hợp nhất Quý 4//2015:

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

BÁO CÁO BỘ PHẬN						
	Hóa chất	Phân bón	Mủcao su	Điều hạt	Khác	Tổng cộng
KẾT QUẢ KINH DOANH						
Doanh thu thuần từ bán hàng	288.250.300.000	135.683.125.000	80.934.255.500	82.240.757.750	72.562.643.900	659.671.082.150
Giá vốn hàng hóa đã bán	287.971.500.000	135.893.550.000	68.153.539.401	63.476.024.089	72.868.442.200	628.363.055.690
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	278.800.000	(210.425.000)	12.780.716.099	18.764.733.661	(305.798.300)	31.308.026.460
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	10.513.322.989
Doanh thu tài chính	-	-	-	-	-	64.174.663.082
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	13.011.509.440
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	4.564.386.795
Chi phí khác	-	-	-	-	-	5.212.547.414
Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết	-	-	-	-	-	9.379.629.813
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	-	-	-	-	-	80.689.326.307
Chi phí thuế TNDN	-	-	-	-	-	9.445.339.772
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	71.243.986.535
TÀI SẢN						
Tài sản bộ phận	85.491.689.390	40.242.038.180	24.004.159.691	24.391.653.076	21.521.236.972	195.650.777.310
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	1.688.222.734.158
Tổng tài sản	-	-	-	-	-	1.883.873.511.468
NỢ PHẢI TRẢ						
Nợ phải trả bộ phận	65.672.056.564	30.912.681.998	-	-	16.531.944.822	113.116.683.384
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	59.471.316.779
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	-	172.588.000.163

Bộ phận theo khu vực địa lý:
Hoạt động kinh doanh của công ty chủ yếu diễn ra tại Quảng Nam

4. Công ty xin thuyết minh bổ sung thông tin so sánh trên Bảng CDKT hợp nhất tại thời điểm 31.12.2014:

	31/12/2014 (đã trình bày trước đây)	Điều chỉnh lại	31/12/2014 (được trình bày lại)
Bảng cân đối kế toán			
Đầu tư ngắn hạn	13.540.156.522	(13.160.000.000)	380.156.522
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	2.660.000.000	2.660.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	10.500.000.000	10.500.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	40.725.331.623	10.128.833.549	50.854.165.172
Tài sản ngắn hạn khác	10.128.833.549	(10.128.833.549)	-

Trên đây là đính chính và thuyết minh bổ sung các chỉ tiêu còn thiếu trên bảng Thuyết minh cty mẹ và Hợp nhất Quý 4/2015.

Nơi gửi: - *Như trên;*
- *Lưu VT;BTC*

Tổng giám đốc

M.S.D.N: 4000386181 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM
H.ĐÔNG GIANG - T.QUẢNG NAM

VŨ ANH TUẤN

6181 - C.T.C.P
TY
ẦN
AO SU
NAM
T.QUẢNG NAM

CÔNGTY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM
Thôn Phú Son. Xã Ba. Huyện Đông Giang. Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ **MẪU B 03-DN**

Quý IV năm 2015 Đơn vị tính: VND

Phụ lục 1: Đính chính Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Cty mẹ Quý 4 Năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 (Số VHG đã công bố)	Năm 2014 (Số điều chỉnh)	Chênh lệch
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Lợi nhuận trước thuế	1		*32,643,667,506*	*32,643,667,506*	-
Điều chỉnh cho các khoản:					
Khấu hao TSCĐ	2		709,979,022	709,979,022	-
Các khoản dự phòng	3		(3,263,853,670)	(3,263,853,670)	-
Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gộc ngoại tệ	4		32,020,306	32,020,306	-
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(24,305,404,300)	(24,305,404,300)	-
Chi phí lãi vay	6		6,629,082,560	6,629,082,560	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn	8		**12,445,491,424**	**12,445,491,424**	-
Tăng giảm các khoản phải thu	9		(79,532,950,789)	(131,288,412,219)	(51,755,461,430)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		-	-	-
Tăng giảm các khoản phải trả	11		14,529,335,942	14,529,335,942	-
Tăng giảm chi phí trả trước	12		787,752,053	787,752,053	-
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(6,713,774,924)	(6,713,774,924)	-
Thuế TNDN đã nộp	15		(10,655,199,417)	(10,655,199,417)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(10,000,000)	(10,000,000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		*(69,149,345,711)*	*(120,904,807,141)*	*(51,755,461,430)*
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4,701,217,400)	(4,701,217,400)	-
Tiền chi cho vay và mua các công nợ của đơn vị khác	23		(221,473,200,000)	(39,033,200,000)	182,440,000,000
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		218,799,000,000	36,359,000,000	(182,440,000,000)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(274,583,583,340)	(274,583,583,340)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	56,100,000,000	56,100,000,000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,090,439,920	3,856,522,523	2,766,082,603
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		*(280,868,560,820)*	*(222,002,478,217)*	*58,866,082,603*
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp (*)	31		374,998,900,000	375,000,000,000	1,100,000
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		81,681,038,798	81,681,038,798	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(78,144,910,980)	(78,144,910,980)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(7,112,023,860)	(7,112,023,860)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		*378,535,027,818*	*371,424,103,958*	*(7,110,923,860)*
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		**28,517,121,287**	**28,516,818,600**	**(302,687)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		**28,514,397,388**	**28,514,397,388**	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	302,687	302,687
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		**57,031,518,675**	**57,031,518,675**	-

Quảng Nam, ngày 29 tháng 02 năm 2016

M.S.D.N: 4000086... C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM H.ĐÔNG GIANG - T.QUẢNG NAM

VŨ ANH TUẤN	LÊ KHIẾU PHƯƠNG	TRƯƠNG VĂN THỊNH
Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu

CÔNGTY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Son. Xã Ba. Huyện Đông Giang. Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

MẪU B 02-DN

Quý IV năm 2015

Đơn vị tính: VND

Phụ lục 2: Đính chính Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Hợp nhất Quý 4 Năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 (Số VHG đã công bố)	Năm 2015 (Số điều chỉnh)	Chênh lệch	Năm 2014 (Số VHG đã công bố)	Năm 2014 (Số điều chỉnh)	Chênh lệch
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH								
Lợi nhuận trước thuế	1		127.182.433.879	*80.689.326.307*	*46.493.107.572*	*98.729.854.953*	*98.729.854.953*	-
Điều chỉnh cho các khoản:								
Khấu hao TSCĐ	2		1.198.435.987	1.198.435.987	-	937.243.758	937.243.758	-
Các khoản dự phòng	3		3.571.699.306	3.571.699.306	-	(3.263.853.670)	(3.263.853.670)	-
Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gộc ngoại tệ	4		177.244	177.244	-	32.020.306	32.020.306	-
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(123.287.986.369)	(120.697.769.945)	(2.590.216.424)	(24.305.404.300)	(24.305.404.300)	
Chi phí lãi vay	6		8.487.337.599	7.194.397.876	1.292.939.723	6.629.082.560	6.629.082.560	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn	8		17.152.097.646	(28.043.733.225)	45.195.830.871	78.758.943.607	78.758.943.607	
Tăng giảm các khoản phải thu	9		(398.143.837.374)	(247.525.292.707)	(150.618.544.667)	(64.849.536.533)	(346.322.152.853)	281.472.616.320
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(18.985.985.857)	(18.985.985.857)	-	(1.707.400.874)	(1.707.400.874)	
Tăng giảm các khoản phải trả	11		155.771.626.965	33.748.913.169	122.022.713.796	24.588.990.622	158.594.779.384	(134.005.788.762)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		3.016.021	3.016.021	-	787.752.053	787.752.053	
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		(42.784.233.000)	(42.784.233.000)	-	-	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(7.194.397.876)	(7.194.397.876)	-	(6.713.774.924)	(6.713.774.924)	-
Thuế TNDN đã nộp	15		(7.479.637.683)	(7.479.637.683)	-	(10.655.199.417)	(10.655.199.417)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-	-	-	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(19.000.000)	(19.000.000)	-	(10.000.000)	(10.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		*(301.680.351.158)*	*(318.280.351.158)*	*16.600.000.000*	*20.199.774.534*	*(127.267.053.024)*	*147.466.827.558*
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			-			-		-
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(18.931.432.736)	(18.931.432.736)	-	(40.361.898.139)	(46.855.865.728)	6.493.967.589
Tiền chi cho vay và mua các công nợ của đơn vị khác	23		(634.760.000.000)	(574.760.000.000)	(60.000.000.000)	(221.473.200.000)	(121.809.000.000)	(99.664.200.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		95.410.000.000	95.410.000.000	-	218.799.000.000	110.859.000.000	107.940.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-	-	(329.303.583.340)	(209.703.583.340)	(119.600.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-	-	-	56.100.000.000	(56.100.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		57.156.471.680	7.156.471.680	50.000.000.000	1.099.650.801	7.208.067.121	(6.108.416.320)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		*(501.124.961.056)*	*(491.124.961.056)*	*(10.000.000.000)*	*(371.240.030.678)*	*(204.201.381.947)*	*(167.038.648.731)*

CÔNGTY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Thôn Phú Sơn. Xã Ba. Huyện Đông Giang. Tỉnh Quảng Nam

MẪU B 02-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị tính: VND

Quý IV năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 (Số VHG đã công bố)	Năm 2015 (Số điều chỉnh)	Chênh lệch	Năm 2014 (Số VHG đã công bố)	Năm 2014 (Số điều chỉnh)	Chênh lệch
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH								
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu. nhận vốn góp (*)	31		793.399.120.000	749.999.120.000	43.400.000.000	374.998.900.000	376.000.000.000	(1.001.100.000)
Tiền vay ngắn hạn. dài hạn nhận được	33		108.671.999.107	108.671.999.107	-	94.992.238.798	81.681.038.798	13.311.200.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(95.290.604.458)	(95.290.604.458)	-	(78.144.910.980)	(78.294.910.980)	150.000.000
Cổ tức. lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(51.000.000.000)	(1.000.000.000)	(50.000.000.000)	-	(7.112.023.860)	7.112.023.860
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		*755.780.514.649*	*762.380.514.649*	*(6.600.000.000)*	*391.846.227.818*	*372.274.103.958*	*19.572.123.860*
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(47.024.797.565)	(47.024.797.565)	-	40.805.971.674	40.805.668.987	302.687
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		70.310.820.063	70.310.820.063	-	29.504.848.389	29.504.848.389	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		727.483	727.483	-	-	302.687	(302.687)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**		**23.286.749.981**	**23.286.749.981**	**-**	**70.310.820.063**	**70.310.820.063**	-

Quảng Nam. ngày 29 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

VŨ ANH TUẤN
Tổng Giám đốc

LÊ KHIẾU PHƯƠNG
Kế toán trưởng

TRƯƠNG VĂN THỊNH
Người lập biểu